

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KẾ TOÁN: 50 CÂU

1. Nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc cơ bản của kế toán

- a. Hoạt động liên tục
- b. Trung thực
- c. Đầy đủ
- d. Khách quan

Đa: a (TB)

2. Ngày 1/9, DN X bán thành phẩm cho DN Y trị giá bao gồm thuế GTGT 5% - thuế khấu trừ là 63.000.000 chưa thu tiền. Giá vốn của lô hàng 50.000.000 nhưng kế toán chỉ định khoản bút toán (Nợ TK 632: 50.000.000/Có TK 155: 50.000.000) mà không định khoản bút toán (Nợ TK 131: 63.000.000/Có TK 511: 60.000.000, Có TK 3331: 3.000.000). Ngày 5/9 DN Y thanh toán tiền hàng cho DN X bằng chuyển khoản và lúc này kế toán định khoản bút toán doanh thu bán hàng. Vậy việc làm này vi phạm nguyên tắc nào trong các nguyên tắc sau đây:

- a. Cơ sở dồn tích
- b. Hoạt động liên tục
- c. Giá gốc
- d. Thận trọng

Đa: a (K)

3. Ngày 1/2, Công ty X bán hàng hóa cho Công ty Y giá lô hàng chưa thuế GTGT 80.000.000, thuế suất thuế GTGT 10%- thuế phương pháp trực tiếp, thu 70% bằng tiền gửi ngân hàng. Giá vốn lô hàng bán 50.000.000. Ngày 28/2, Công ty Y thanh toán phần còn lại bằng TGNH. Vậy Công ty X sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn vào thời điểm:

- a. Doanh thu và giá vốn ghi nhận vào ngày 1/2
- b. Doanh thu (ghi nhận 70% ngày 1/2, 30% ngày 28/2) và giá vốn ghi nhận vào ngày 1/2
- c. Doanh thu và giá vốn ghi nhận vào ngày 28/2
- d. Doanh thu ngày 28/2 và giá vốn ghi nhận vào ngày 1/2

Đa: a (K)

4. Giả sử, cuối kỳ, số dư và số phát sinh của các tài khoản trong kỳ được vào sổ cái. Khi lập bảng cân đối kế toán, kế toán sẽ căn cứ vào:

- a. Số dư từ tài khoản loại 1 đến loại 4 trên sổ cái
- b. Số phát sinh từ Tài khoản loại 1 đến loại 9 trên sổ cái
- c. Số phát sinh từ Tài khoản loại 5 đến loại 9

d. Tài khoản 4 đến 9

Đa: a (TB)

5. Giá sử, cuối kỳ, số dư và số phát sinh của các tài khoản trong kỳ được vào sổ cái. Khi lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sẽ căn cứ vào

- a. Số liệu phát sinh từ tài khoản loại 5 đến loại 9 trên sổ cái
- b. Số phát sinh từ Tài khoản loại 1 đến loại 9 trên sổ cái
- c. Số dư cuối kỳ từ tài khoản loại 1 đến tài khoản loại 9
- d. Tài khoản 4 đến 9

Đa: a (TB)

6. Công thức xác định giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

- a. Kiểm kê cuối kỳ số lượng, định giá
- b. $\text{Trị giá vật liệu tồn kho} = \text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ} + \text{Trị giá vật liệu xuất trong kỳ}$
- c. $\text{Trị giá vật liệu tồn kho} = \text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} - \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ} + \text{Trị giá vật liệu xuất trong kỳ}$
- d. $\text{Trị giá vật liệu tồn kho} = \text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ} - \text{Trị giá vật liệu xuất trong kỳ}$

Đa: a (TB)

7. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh (Nợ TK 111 : 50.000.000, Nợ TK 112 : 30.000.000/Có TK 341 : 60.000.000, Có TK 331 : 20.000.000) sẽ làm cho Số tổng cộng của Bảng cân đối kế toán :

- a. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên và tỷ trọng của tài sản và nguồn vốn chịu ảnh hưởng có sự thay đổi
- b. Không Thay đổi nhưng tỷ trọng của tài sản và nguồn vốn chịu ảnh hưởng có sự thay đổi
- c. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên và tỷ trọng của tất cả tài sản ảnh hưởng có sự thay đổi
- d. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên và tỷ trọng của tài sản và nguồn vốn chịu ảnh hưởng không có sự thay đổi

Đa: a (TB)

8. Ngày 10/03/2008 Doanh nghiệp M nhập khẩu tài sản cố định, giá nhập khẩu theo điều kiện CIF là 20.000 USD, thuế NK thuế suất 10%, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10%- thuế khấu trừ. Ngày 31/12/2008, Tài sản cố định đó ước tính trên thị trường khoảng 25.000 USD. Kế toán đã điều chỉnh giá tài sản cố định từ 22.000 USD lên 25.000 USD. Việc này vi phạm vào nguyên tắc :

- a. Giá gốc

- b. Phù hợp
- c. Thận trọng
- d. Cơ sở dồn tích

Đa: a (TB)

9. Công ty M tại thời điểm ngày 31/12/X như sau :

Số dư tài khoản 131 (bên nợ) : 200.000.000, số dư tài khoản 131 (bên có) : 100.000.000.

Số dư tài khoản 331 (bên có) : 100.000.000, số dư bên nợ 50.000.000

Khi lập Bảng cân đối kế toán, Số liệu TK 131 và 331 sẽ được kế toán xử lý :

- a. Không bù trừ mà lấy số dư bên nợ TK 131 số tiền 200.000.000 và số dư bên Nợ TK 331 50.000.000 ghi vào phần tài sản, số dư bên có TK 331 số tiền 100.000.000, và số dư bên có tài khoản 131 số tiền 100.000.000 sẽ ghi vào phần nguồn vốn.
- b. TK 131 sẽ có số dư 100.000.000 ghi bên tài sản, TK 331 : 50.000.000 sẽ ghi bên nguồn vốn
- c. Không bù trừ mà lấy số dư bên nợ và bên có TK 131 ghi vào phần tài sản, số dư bên có và bên nợ TK 331 ghi vào phần nguồn vốn
- d. Tất cả đều sai.

Đa: a (TB)

10. Tại ngày 31/07. Tổng tài sản : 500.000.000, Tổng nguồn vốn : 500.000.000.

Ngày 01/08 phát sinh nghiệp vụ :

+ Nợ TK 111 : 10.000.000/Có TK 311 : 10.000.000

+ Nợ TK 331 : 20.000.000/Có TK 341 : 20.000.000

Vậy bảng cân đối kế toán tại ngày 1/08 (sau khi phát sinh 2 nghiệp vụ trên) sẽ có Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn là :

- a. 510.000.000 và 510.000.000
- b. 530.000.000 và 530.000.000
- c. 520.000.000 và 520.000.000
- d. 490.000.000 và 490.000.000

Đa: a (TB)

11. Tại ngày 31/07. Tổng tài sản : 500.000.000, Tổng nguồn vốn : 500.000.000.

Ngày 01/08 phát sinh nghiệp vụ :

+ Nợ TK 111 : 10.000.000/Có TK 311 : 10.000.000

+ Nợ TK 331 : 20.000.000/Có TK 341 : 20.000.000

Vậy bảng cân đối kế toán tại ngày 1/08 (sau khi phát sinh 2 nghiệp vụ trên) sẽ

- a. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên và tỷ trọng của tiền mặt, Nợ phải trả thay đổi
- b. Không thay đổi nhưng tỷ trọng của tiền mặt, Nợ phải trả thay đổi.

- c. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên và tỷ trọng của tiền mặt, Nợ phải trả không thay đổi
- d. Thay đổi theo chiều hướng giảm xuống và tỷ trọng của tiền mặt, Nợ phải trả thay đổi.

Đa: a (TB)

12. Khoản nào sau đây không được phản ánh trên bảng cân đối kế toán :

- a. Vật tư nhận gia công trị giá 30.000.000
- b. Người mua ứng trước tiền hàng 30.000.000 bằng tiền gửi ngân hàng
- c. Chi tiền mặt tạm ứng cho công nhân viên
- d. Mua tài sản cố định 30.000.000. bằng tiền gửi ngân hàng

Đa: a (TB)

13. ‘Phiếu thu’ số 20/08/09 nội dung thu tiền hàng theo hóa đơn số 0980989 của DNTN TM Bình Hải. Vậy theo bạn phiếu thu số 20/08/09 phải lưu trữ tối thiểu là

- a. 10 năm
- b. 5 năm
- c. Vĩnh viễn
- d. Tất cả đều sai

Đa: a(TB)

14. ‘Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ’ số 10/08 nội dung chuyển lô hàng số lượng 100 sản phẩm cho Chi nhánh 2. Vậy theo bạn ‘Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ’ số 10/08 là chứng từ :

- a. Bắt buộc
- b. Hướng dẫn
- c. Mệnh lệnh
- d. Chấp hành

Đa: a(TB)

15. Lệnh chi tiền số 20/09. Vậy theo bạn ‘Lệnh chi tiền ‘ trên phải lưu trữ tối thiểu là

- a. 5 năm
- b. 10 năm
- c. Vĩnh viễn
- d. Tất cả đều sai

Đa: a(TB)

16. Nghiệp vụ kinh tế liên quan đến 3 đối tượng kế toán, 2 bên tài sản và 1 đối tượng kế toán bên nguồn vốn với số tiền tổng cộng 30.000.000. Vậy số liệu trên bảng cân đối kế toán sau khi phát sinh nghiệp vụ trên sẽ

- a. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên hoặc giảm xuống

- b. Không thay đổi
- c. Thay đổi theo chiều hướng tăng lên
- d. Thay đổi theo chiều hướng giảm xuống

Đa: a (K)

17. ‘Không đánh giá thấp hơn giá trị các khoản nợ phải trả và chi phí ‘ là nội dung của nguyên tắc :

- a. Thận trọng
- b. Trọng yếu
- c. Phù hợp
- d. Tất cả đều sai

Đa: a (TB)

18. Phòng kinh doanh – Công ty M, thông báo đã nhận được một chiếc máy lạnh do Công ty N biếu tặng, nguyên giá bên Công ty N thông báo ước tính khoảng 20.000.000, nhưng giá trên thị trường 15.000.000. Vậy kế toán sẽ xác định nguyên giá máy lạnh :

- a. 15.000.000
- b. 20.000.000
- c. 17.500.000
- d. Tất cả đều sai.

Đa: a (TB)

19. Năm 2007, Doanh nghiệp K kinh doanh mặt hàng xe máy airblack của hãng honda, giá nhập ban đầu 27.000.000, giá bán ra 30.000.000. Tuy nhiên do mặt hàng này thu hút được người tiêu dùng nên giá nhập và bán ra trên thị trường ngày càng tăng lên. Nếu là kế toán của Công ty, khi tính giá xuất kho hàng tồn kho, phương pháp nào sau đây sẽ mang lại hiệu quả nhất.

- a. Nhập sau xuất trước (Lifo)
- b. Thực tế đích danh
- c. Nhập sau xuất trước (Fifo)
- d. Bình quân gia quyền.

Đa: a (K)

20. Doanh nghiệp H có tài sản 500.000.000 và Vốn chủ sở hữu 400.000.000. Trong cùng một kỳ kế toán tổng tài sản tăng thêm 100.000.000 và vốn chủ sở hữu tăng thêm 20.000.000. Vậy Nợ phải trả của doanh nghiệp H sẽ là:

- a. 180.000.000
- b. 200.000.000
- c. 80.000.000
- d. 100.000.000

Đa: a (TB)

21. Tài sản ngắn hạn 300.000.000 và Tài sản dài hạn 400.000.000. Trong cùng một kỳ kế toán nếu tổng nguồn vốn tăng thêm 30% và tài sản dài hạn tăng 10%. Vậy Tổng tài sản ngắn hạn sẽ là:

- a. 470.000.000
- b. 300.000.000
- c. 310.000.000
- d. 390.000.000

Đáp án: a (K)

22. Đứng trên góc độ người bán, khoản chiết khấu thanh toán sẽ được kế toán ghi nhận vào tài khoản

- a. 635
- b. 515
- c. 521
- d. 641

Đáp án: a (TB)

23. Đứng trên góc độ người mua, khoản chiết khấu thương mại sẽ được kế toán ghi nhận vào tài khoản

- a. Giảm giá trị hàng mua (152,153,156,211,217)
- b. 521
- c. 635
- d. 515

Đáp án: a (TB)

24. Công ty L có số liệu về thành phẩm K trong tháng 10/2009 như sau:

Tồn đầu kỳ : 100sp, đơn giá 200.000 đ/sản phẩm

Trong kỳ nhập kho

- ngày 2/10 nhập kho 50 sp, đơn giá 205.000 đ/sản phẩm
- ngày 10/10 nhập kho 20sp, đơn giá 190.000 đ/sản phẩm
- ngày 25/10 xuất kho 40 sp
- ngày 26/20 nhập kho 10 sp, đơn giá 210.000 đ/sản phẩm

Trị giá vật liệu xuất kho ngày 25/10 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

- a. 8.011.765
- b. 8.033.333
- c. 8.000.000
- d. 7.900.000

Đáp án : a (TB)

25. Công ty L có số liệu về thành phẩm K trong tháng 10/2009 như sau:

Tồn đầu kỳ : 100sp, đơn giá 200.000 đ/sản phẩm

Trong kỳ nhập kho

- ngày 2/10 nhập kho 50 sp, đơn giá 205.000 đ/sản phẩm
- ngày 10/10 nhập kho 20sp, đơn giá 190.000 đ/sản phẩm
- ngày 25/10 xuất kho 40 sp
- ngày 26/20 nhập kho 10 sp, đơn giá 210.000 đ/sản phẩm

Trị giá vật liệu xuất kho ngày 25/10 theo phương pháp nhập trước xuất trước (Fifo)

- a. 8.000.000
- b. 8.033.333
- c. 8.011.765
- d. 7.900.000

Đáp án : a (TB)

26. Phát biểu nào sau đây là sai:

- a. Kiểm kê từng phần là kiểm kê cho tất cả các loại tài sản của doanh nghiệp
- b. Kiểm kê định kỳ là kiểm kê không xác định thời gian trước kiểm kê
- c. Chứng từ bắt buộc là chứng từ nhà nước không tiêu chuẩn hóa về mẫu biểu, quy cách và phương pháp lập
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: d (TB)

27. Nguyên tắc ghi chép vào tài khoản loại 0

- a. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, số nhập ghi bên nợ, số xuất ghi bên có và luôn ghi đơn
- b. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, số nhập ghi bên có, số xuất ghi bên nợ và luôn ghi đơn
- c. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ ghi bên nợ, số xuất, nhập ghi bên có và luôn ghi đơn
- d. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, số nhập ghi bên nợ, số xuất ghi bên có và luôn ghi kép

Đáp án: a (TB)

28. Không đánh giá thấp hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập là nội dung của nguyên tắc:

- a. Thận trọng
- b. Trọng yếu
- c. Phù hợp

d. Tất cả đều sai

Đáp án: d (K)

29. Đối với TK loại 2 (trừ một vài trường hợp đặc biệt) khi phát sinh

a. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, phát sinh tăng ghi bên nợ, số phát sinh giảm ghi bên có

b. Số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, phát sinh tăng ghi bên có, số phát sinh giảm ghi bên nợ

c. Số dư đầu kỳ, phát sinh tăng ghi bên nợ, số phát sinh giảm, số dư cuối kỳ ghi bên có

d. Phát sinh tăng ghi bên nợ, số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, số phát sinh giảm ghi bên có

Đáp án: a (TB)

30. Ngày 10/01 bán hàng hóa thu bằng tiền gửi ngân hàng 100.000.000, giá vốn lô hàng 60.000.000. Nhưng do sơ sót, kế toán định khoản bút toán doanh thu (Nợ TK 112: 300.000.000/Có TK 511: 300.000.000) và định khoản bút toán giá vốn (Nợ TK 632: 60.000.000/Có TK 156: 60.000.000). Kế toán phát hiện ra ngay trong kỳ. Vậy phương pháp sửa sổ nào sau sẽ được áp dụng:

a. Ghi số âm

b. Ghi bổ sung

c. Cải chính

d. Tất cả đều đúng

Đáp án: a (K)

31. Ngày 03/03 nghiệp vụ kinh tế phát sinh (Nợ TK 112: 10.000.000/Có TK 111: 10.000.000). Khi vào sổ sách kế toán ghi (Nợ TK 112: 5.000.000/Có TK 111: 5.000.000). Sang tháng kế tiếp (cùng niên độ), kế toán phát hiện ra sai sót. Vậy phương pháp sửa sổ nào sau sẽ phù hợp:

a. Ghi bổ sung

b. Cải chính

c. Ghi số âm

d. Tất cả đều đúng

Đáp án: a (TB)

32. Cuối niên độ Số dư nợ TK 419: 200.000.000. Khi lập bảng cân đối kế toán, số dư này sẽ được ghi vào phần

a. Nguồn vốn (giá trị âm)

b. Tài sản (giá trị dương)

c. Nguồn vốn (giá trị dương)

d. Tài sản (giá trị âm)

Đáp án: a(TB)

33. Lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn 10.000.000. Kế toán định khoản

- a. Nợ TK 635: 10.000.000/Có TK 129: 10.000.000
- b. Nợ TK 641: 10.000.000/Có TK 129: 10.000.000
- c. Nợ TK 642: 10.000.000/Có TK 121: 10.000.000
- d. Nợ TK 642: 10.000.000/Có TK 129: 10.000.000

Đáp án: a (TB)

34. Lập dự phòng phải thu khó đòi 10.000.000. Kế toán định khoản:

- a. Nợ TK 642: 10.000.000/Có TK 139: 10.000.000
- b. Nợ TK 641: 10.000.000/Có TK 139: 10.000.000
- c. Nợ TK 632: 10.000.000/Có TK 139: 10.000.000
- d. Nợ TK 635: 10.000.000/Có TK 139: 10.000.000

Đáp án: a (TB)

35. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 10.000.000. Kế toán định khoản:

- a. Nợ TK 632: 10.000.000/Có TK 159: 10.000.000
- b. Nợ TK 641: 10.000.000/Có TK 159: 10.000.000
- c. Nợ TK 159: 10.000.000/Có TK 632: 10.000.000
- d. Nợ TK 642: 10.000.000/Có TK 159: 10.000.000

Đáp án: a (TB)

36. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, cuối kỳ, kế toán căn cứ số thuế GTGT phải nộp:

- a. Nợ TK 511/Có TK 3331
- b. Nợ TK 521/Có TK 3331
- c. Nợ TK 531/Có TK 3331
- d. Nợ TK 133/Có TK 3331

Đáp án: a (TB)

37. Doanh nghiệp A kinh doanh mặt hàng xuất khẩu phải nộp thuế. Kế toán định khoản bút toán thuế xuất khẩu phải nộp:

- a. Nợ TK 511/Có TK 3333
- b. Nợ TK 521/Có TK 3333
- c. Nợ TK 531/Có TK 3333
- d. Nợ TK 133/Có TK 3333

Đáp án: a (TB)

38. Doanh nghiệp A kinh doanh mặt hàng phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Kế toán định khoản bút toán thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

- a. Nợ TK 511/Có TK 3332
- b. Nợ TK 521/Có TK 3332
- c. Nợ TK 531/Có TK 3332
- d. Nợ TK 133/Có TK 3332

Đáp án: a (TB)

39. Công ty B có số liệu tại thời điểm 31/10/2009: Tổng tài sản : 1.000.000.000, Tổng nguồn vốn: 1.000.000.000. Khi phát sinh thêm nghiệp vụ tháng 11/2009 thì trường hợp nào sau đây không làm cho số tổng cộng bằng cân đối kế toán thay đổi nhưng tỷ trọng của tài sản và nguồn vốn chịu ảnh hưởng có sự thay đổi.

- a. Chi tiền gửi ngân hàng mua hàng hóa 10.000.000
- b. Vay ngắn hạn trả nợ cho người bán 20.000.000
- c. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên 5.000.000
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: d (TB)

40. Chứng từ nào sau đây là chứng từ hướng dẫn

- a. Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- b. Phiếu thu, phiếu chi
- c. Biên lai thu tiền
- d. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Đáp án: a (TB)

41. Chứng từ nào sau đây là chứng từ bắt buộc

- a. Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- b. Phiếu thu, phiếu chi
- c. Biên lai thu tiền
- d. Câu b,c đúng

Đáp án: d (TB)

42. Đối với tài khoản cấp 1 có ký tự cuối cùng là 9 (trừ TK 419) như tài khoản 129,139,159,229 khi lập bảng cân đối kế toán sẽ được ghi vào phần:

- a. Tài sản (giá trị âm)
- b. Tài sản (giá trị dương)
- c. Nguồn vốn (giá trị dương)
- d. Nguồn vốn (giá trị âm)

Đáp án: a (TB)

43. Nhóm tài khoản nào sau đây là tài khoản lưỡng tính:

- a. 131,136,138,331,333,334,338,336
- b. 131,136,138,331,141,221, 333,334,338,336
- c. 131,136,138,331,141,221, 333,334,338,336
- d. 131,136,138,331,141,221, 333,334,338,336,337,151

Đáp án: a (TB)

44. Chọn phát biểu sai

- a. Tài khoản kế toán dùng để phản ánh một cách tổng quát tài sản, nguồn vốn của đơn vị.
- b. Bảng cân đối kế toán phản ánh tài sản và nguồn vốn một cách tổng quát ở một thời điểm nhất định
- c. Tài khoản kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có cùng đối tượng phản ánh là tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- d. Tất cả đúng

Đáp án: a (TB)

45 Giả sử kế toán ghi sai

- + Quan hệ đối ứng giữa các tài khoản
- + Ghi số tiền sai lớn hơn số tiền đúng
- + Cùng một chứng từ ghi trùng nhiều bút toán

Vì thế kế toán có thể áp dụng sửa số theo phương pháp nào dưới đây:

- a. Ghi số âm
- b. Ghi bổ sung
- c. Cải chính
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: a (TB)

46. Chi hoa hồng đại lý số tiền 10.000.000 bằng tiền mặt. Kế toán định khoản:

- a. Nợ TK 641: 10.000.000/Có Tk 111: 10.000.000
- b. Nợ TK 642: 10.000.000/Có Tk 111: 10.000.000
- c. Nợ TK 635: 10.000.000/Có Tk 111: 10.000.000
- d. Nợ TK 811: 10.000.000/Có Tk 111: 10.000.000

Đáp án: a (TB)

47. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung là:

- a. Tổ chức kế toán mà mọi công việc ghi nhận, xử lý và báo cáo thông tin kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của Công ty, các chi nhánh, cửa hàng.. phụ thuộc Công ty chỉ hạch toán báo số như lập chứng từ, thu nhập chứng từ và tổng hợp chứng từ chuyển về phòng kế toán công ty
- b. Tổ chức kế toán mà mọi công việc ghi nhận, xử lý và báo cáo thông tin kế toán đều do các chi nhánh, cửa hàng.. phụ thuộc làm còn Công ty chỉ hạch toán báo số
- c. Tổ chức kế toán mà mọi công việc ghi nhận, xử lý và báo cáo thông tin kế toán đều do Công ty và các chi nhánh phụ thuộc làm
- d. Tất cả đều sai.

Đáp án: a (TB)

48. Số đăng ký chứng từ ghi số được áp dụng trong hình thức kế toán nào sau đây:

- a. Chứng từ ghi số
- b. Nhật ký số cái

- c. Nhật ký chứng từ
- d. Nhật ký chung

Đáp án: a (TB)

49. Sổ nhật ký – Sổ cái là loại sổ kế toán:

- a. Ghi kết hợp theo thứ tự thời gian và theo hệ thống
- b. Sổ tổng hợp
- c. Sổ nhiều cột
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: d (TB)

50. Hình thức chứng từ ghi sổ gồm có các sổ kế toán chủ yếu nào::

- a. Sổ cái
- b. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- c. Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: d (TB)